

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/11/2025
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiu và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng: Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 207/2025/HNGĐ-TLST ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh ngày 08/6/1990

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã Y, thành phố Hải Phòng. Số CMND: 142661094 do bộ Công an tỉnh H cấp ngày 30/12/2008.

Hiện đang lao động tại: Đài Loan.

Người đại diện theo uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn R, xã B, tỉnh Quảng Trị.

2. Bị đơn: Anh **Trần Quý T1** (Tức **Trần Quý T2**), sinh ngày 23/7/1990. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, thành phố Hải Phòng. CCCD số 001166014785 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 25/6/2021.

(Chị L, anh T2 đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quý T1 được tự do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng) ngày 22/7/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian dài. Để phát triển kinh tế năm 2014 chị sang Đài Loan lao động, vợ chồng sống xa nhau nhưng vẫn thường xuyên liên lạc, hai bên hoà thuận đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau,

luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Quý T1 có 2 con chung là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2011 và cháu Trần Quý M, sinh ngày 10/6/2012. Hai con đang sinh sống cùng với anh T1, do điều kiện chị đang ở nước ngoài, không trực tiếp nuôi được các con nên chị đồng ý để anh T1 nuôi cả hai con, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh T1 theo tháng, mỗi con là 2.000.000đồng/tháng kể từ khi Toà án giải quyết ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Trần Quý T1 tự thỏa thuận, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Quý T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống xa nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày một xa cách, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Anh và chị T3 có 2 con chung là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2021 và cháu Trần Quý M, sinh ngày 10/6/2012. Hiện nay các con đang được anh chăm sóc, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi hai con, đồng ý để chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh theo tháng, mỗi con 2.000.000đồng/tháng kể từ thời điểm Tòa án cho ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Trong các giấy tờ gồm trích lục kết hôn, giấy khai sinh của các con thể hiện tên đệm của anh là “Trần Quý T2” tuy nhiên trong Căn cước công dân thể hiện là “Trần Quý T1”. Anh khẳng định do sai sót chính tả khi làm giấy tờ nên đã ghi sai tên đệm của anh từ “Q” thành “Quý”, nay đề nghị Toà án ghi đúng tên đệm của anh theo Căn cước công dân để thống nhất giấy tờ. Do điều kiện công việc bận nên anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

- Cháu Trần Thị Yến N và cháu Trần Quý M là con chung của chị L, anh T1 có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

- Người được chị L uỷ quyền nhận văn bản tố tụng, anh Nguyễn Văn T có quan điểm đồng ý nhận uỷ quyền của chị L. Sau khi nhận văn bản tố tụng, anh đã thông tin cho chị L biết, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, nuôi con như đã trình bày. Do điều kiện không về được Việt Nam nên chị đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh T1. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2011 và cháu Trần Quý M, sinh ngày 10/6/2012 cho anh Trần Quý T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh T1 theo tháng, mỗi con 2.000.000đ/tháng kể từ khi Tòa án cho ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị L và anh Trần Quý T1 đều có Hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Y, thành phố Hải Phòng. Hiện nay chị L đang lao động tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

[1.1] Tài liệu chị L nộp tại Tòa án gồm đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị giám định, giấy uỷ quyền chưa được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định toàn bộ những tài liệu trên so với chứng minh nhân dân bản chính của chị L. Tại kết luận giám định số 3396/KL-KTHS ngày 03/11/2025 của phòng K Công an thành phố H kết luận các dấu vân tay ký hiệu DV1, DV4, DV6, DV8, DV10 in trên tài liệu cần giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trở phải trên Giấy chứng minh nhân dân số 142661094 và các dấu vân tay DV2, DV3, DV5, DV7, DV9 in trên các tài liệu cần giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trái trên Giấy chứng minh nhân dân số 142661094 (bản chính) mang tên Phạm Thị L, sinh ngày 08/6/1990; Địa chỉ: G, G, Hải Dương cấp ngày 30/12/2008 là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản chị L nộp tại Tòa án là ý chí, nguyện vọng của chị L.

[1.2] Chị L, anh T1 đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị L và anh Trần Quý T1 (tức anh Trần Quý T2) được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng) ngày 22/7/2010 do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách dẫn đến hai bên không tìm được tiếng nói chung, trong một thời gian dài, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc cho bên kia muốn sống ra sao thì sống. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh T2 cũng đồng ý. Vì vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Chị Phạm Thị L và anh Trần Quý T1 có hai con chung là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2011 và cháu Trần Quý M, sinh ngày 10/6/2012. Hiện các con đang ở với anh T1 và đều có nguyện vọng xin được ở với bố, anh T1 có nguyện vọng được nuôi hai con, chị L đồng ý. Hiện tại chị L đang sinh sống ở nước ngoài, không đủ điều kiện để nuôi con. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, cũng như nguyện vọng của các đương sự, tiếp tục giao cháu N, cháu M cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi cùng anh T1 theo tháng, mỗi con 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 11/2025 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác, hoặc pháp luật có quy định khác. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị L và anh Trần Quý T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về .. án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Trần Quý T1 (tức Trần Quý T2).

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Thị Yến N, sinh ngày 25/02/2011 và Trần Quý M, sinh ngày 10/6/2012 cho anh Trần Quý T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh T1 theo tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng/01 con, kể từ tháng 11/2025 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Chị Phạm Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà chị L thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì chị L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị L và anh Trần Quý T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/25SE, số 0003543 ngày 10 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Anh Trần Quý T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng.
(Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng)
- UBND xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng.
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân

